

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT NHANH PHÚC TOAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT NHANH PHÚC TOAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC TOAN EXPRESS SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109417722

**3. Ngày thành lập:** 13/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 27, ngõ 19, tổ 1, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                          | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                       | 1812     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                              | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                        | 4102     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ động vật sống)  | 4620     |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                 | 4631     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                             | 4632     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                               | 4633     |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                           | 4641     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                             | 4649     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                            | 4651     |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                             | 4652     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp<br>(Trừ đầu giá)                        | 4653     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ đầu giá)                               | 4659     |
| 16. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                            | 4662     |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                        | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 24. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730        |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 26. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 27. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 29. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 31. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                | 4773        |
| 33. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781        |
| 34. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782        |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                          | 4932        |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                    | 4933        |
| 38. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                 | 5012        |
| 39. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 40. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 41. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics                                                        | 5229(Chính) |
| 43. | Chuyên phát                                                                                                                                                             | 5320        |
| 44. | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                              | 7710 |
| 46. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                      | 7730 |
| 47. | Điều hành tua du lịch                                                                                                               | 7912 |
| 48. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                             | 8110 |
| 49. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                               | 8121 |
| 50. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230 |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **VŨ THỊ NGÀ** Giới tính: **Nữ**  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: **15/08/1980** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: **015180000165**  
 Ngày cấp: **06/03/2017** Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7, bản đồ 7, tổ 6 Nhân Trạch, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Số 7, bản đồ 7, tổ 6 Nhân Trạch, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội